TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC B - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **57**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2025
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Chí**
Ông **Lê Thiên Hoàng**

- ***T kL phiên tòa:*** Bà **Trương Thị Thẩm** - T kL Tòa án nhân dân khu vực B – Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Không tham gia

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực B - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lL số 339/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Hải Bảo M** – Sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.
- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Minh T** – Sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Khánh Hòa.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Hải Bảo M trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Minh T tự nguyện đăng kL kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã K, tỉnh Khánh Hòa (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Khánh Hòa). Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do ông T hay nhậu nhẹt, chơi cờ bạc, về nhà đánh đập, xúc phạm bà nên Tòng xuyên kình cãi nhau. Nay tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn quan tâm chung sống với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 09/9/2011 và Nguyễn Minh Như L, sinh ngày 11/10/2017. Bà yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn – ông Nguyễn Minh T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không lấy được lời trình bày.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Minh T đều vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Nguyễn Minh T có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Q, thị xã K, tỉnh Khánh Hòa (nay là thôn T, xã T, tỉnh Khánh Hòa). Do đó Tòa án nhân dân khu vực B - Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ tranh chấp:* Bà M yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với ông T nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hải Bảo M và ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống, kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã K, tỉnh Khánh Hòa (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Khánh Hòa) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43/2011, quyển số 03/2010, cấp ngày 25 tháng 5 năm 2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Hải Bảo M và ông Nguyễn Minh T là hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông T hay nhậu nhẹt, chơi cờ bạc, về nhà đánh đập, xúc phạm bà nên thường xuyên kình cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt và không còn quan tâm chung sống với nhau. Ông Nguyễn Minh T đã được triệu tập đến tòa để thực hiện quyền, nghĩa vụ nhưng không có mặt là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau nhưng cuộc sống chung giữa bà M và ông T không hạnh phúc, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Bà M và ông T có hai con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 09/9/2011 và Nguyễn Minh Như L, sinh ngày 11/10/2017. Bà M trình bày quá trình chung sống với nhau thì bà là người trực tiếp chăm sóc các con nên yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con

chung. Ông T đã được triệu tập nhưng không có mặt tại Tòa án để thực hiện quyền yêu cầu về việc nuôi con chung.

Xét, bà M là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và các con đều có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và để đảm bảo cho các cháu có đủ điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội nên cần căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao hai con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 09/9/2011 và Nguyễn Minh Như L, sinh ngày 11/10/2017 cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Sau khi ly hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Bà Nguyễn Hải Bảo M phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lL và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Hải Bảo M được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 09/9/2011 và Nguyễn Minh Như L, sinh ngày 11/10/2017 cho bà Nguyễn Hải Bảo M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Hải Bảo M phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002729 ngày 20/5/2025 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã K. Bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực B - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã T (GCNKH số 43 ngày 25/5/2011);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Huỳnh Tường Viên